

Thời gian làm bài: 45 phút

CẤU TRÚC: 40% *nhận biết*; 30% *thông hiểu*; 30% *vận dụng*.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3,0 ĐIỂM): ...12 câu = 12 ý = 3,0 điểm.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/SAI (4,0 ĐIỂM): 4 câu = 16 ý = 4,0 điểm.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM): 3 câu = 3,0 điểm.

[illegible]

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu hỏi			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
		giống vật nuôi								1	2	1	1	17.5%	
		2.3. Nhân giống vật nuôi							1	1		1	1	20%	
		2.4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi	2	1		2 ý	1 ý	1 ý				4	2	1	17.5%
Tổng số câu			10	2		6	6	4		1	2				
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			40			30						100

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ								
				TN nhiều lựa chọn			TN dạng Đúng/Sai			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chương I. Giới thiệu chung về chăn nuôi	1.1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi	- Nhận biết: - Nêu được vai trò của chăn nuôi và ví dụ minh họa (Câu 1, câu 2)	NT1 NT1								
			- Thông hiểu: - Hiểu được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi. Câu 1 Đ-S				1a,d	1b	1c			
		1.2. Vật nuôi và phương thức chăn nuôi	- Nhận biết: - Biết được các tiêu chuẩn phân loại vật nuôi (Câu 3)	NT1 NT1 NT2								
			- Nêu được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt nam (Câu 4) -Đặc điểm cơ bản của chăn nuôi thông minh, chăn nuôi bền vững (Câu 5) - Hiểu được các phương thức chăn nuôi tại địa phương. Câu 2 Đ- S				2a	2 b,c	1d			
2	Chương II. Công	2.1 Khái niệm, vai trò của giống	- Trình bày được khái niệm giống vật nuôi. Câu 3 ĐS 1 ý -Điều kiện để công nhận giống vật nuôi	NT1			3 a					

nghệ giống vật nuôi	trong chăn nuôi	(Câu 6)									
		- Thông hiểu: - Hiểu được vai trò của giống đối với vật nuôi. Câu 3 ĐS 2 ý					3b,c				
		- Vận dụng: Vận dụng vào việc chọn giống trong chăn nuôi.Câu 3 ĐS 1 ý						3d			
	2.2. Chọn giống vật nuôi	- Nhận biết: -Nêu được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi (Câu 7, câu 8) -Nêu một số phương pháp chọn giống vật nuôi (Câu 9)	NT1 NT1	NT3							
		- Vận dụng: Vận dụng kiến thức về công tác chọn giống vật nuôi cụ thể ở địa phương. (1 câu TL)									VD1
	2.3. Nhân giống vật nuôi	- Lựa chọn được các phương thức nhân giống vật nuôi (1 câu TL)								NT3	
		Vận dụng các hình thức nhân giống vào thực tế địa phương. (1 câu TL)									VD1
	2.4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi	Nhận biết: - Nêu một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi. (Câu 10,câu 11, câu 12)	NT1 NT2	NT3							
		Thông hiểu: - Phân tích được 1 số ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi. Câu 4 ĐS				4a,b	4c	4d			
Tổng số câu											

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 2 trang)

Mã đề 1101

Họ tên :Lớp..... Số báo danh :

Phần I. (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phải vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp cho con người nguồn thực phẩm giàu protein.
- B. Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- D. Cung cấp lương thực và nhiên liệu cho xuất khẩu.

Câu 2. Thực phẩm nào sau đây **không** phải là sản phẩm của chăn nuôi?

- A. Sữa.
- B. Trứng.
- C. Thịt.
- D. Rau.

Câu 3. Trong phân loại vật nuôi, vật nuôi nào sau đây là phân loại theo nguồn gốc?

- A. Vật nuôi lấy trứng.
- B. Vật nuôi lấy sữa.
- C. Vật nuôi bản địa.
- D. Vật nuôi trên cạn.

Câu 4. Có mấy phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam?

- A. 1.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 5. Khi nói về đặc điểm của chăn nuôi bền vững, nội dung nào sau đây **sai**?

- A. Chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lý.
- B. Môi trường được bảo vệ.
- C. Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt.
- D. Áp dụng đồng bộ các công nghệ thông minh trong chăn nuôi.

Câu 6. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về các điều kiện để công nhận giống vật nuôi?

- A. Có ngoại hình, năng suất giống nhau.
- B. Khác nguồn gốc và phân bố rộng.
- C. Số lượng vật nuôi ít.
- D. Có tính di truyền không ổn định.

Câu 7. Đặc tính thích nghi của con vật trong những điều kiện sinh sống và di truyền nhất định, có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật được gọi là

- A. ngoại hình.
- B. sinh trưởng.
- C. thể chất.
- D. khả năng sản xuất.

Câu 8. Lợn Landrace tăng trọng trung bình 510,1 g/ ngày Đây là ví dụ về chỉ tiêu nào trong chọn giống vật nuôi?

- A. Ngoại hình. B. Phát dục. C. Sinh trưởng. D. Khả năng sản xuất.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây là **sai** khi nói về một số phương pháp chọn giống vật nuôi?

- A. Có 2 phương pháp đó là chọn lọc cá thể và chọn lọc hàng loạt.
B. Chọn lọc cá thể không yêu cầu kỹ thuật phải cao.
C. Chọn lọc hàng loạt dễ tiến hành, không tốn kém.
D. Chọn lọc cá thể được tiến hành tại các trung tâm giống.

Câu 10. Quá trình đưa phôi tạo ra từ cá thể cái này vào tử cung cá thể cái khác để cho nó mang thai được gọi là

- A. thụ tinh trong ống nghiệm. B. công nghệ cấy truyền phôi.
C. xác định giới tính của phôi. D. chỉ thị phân tử.

Câu 11. Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi như sau:

1. Điện di sản phẩm PCR. 2. Tách chiết DNA của mẫu phôi. 3. Lấy mẫu từ phôi.
4. Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu.
5. Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

Trình tự đúng là

- A. 2 → 3 → 1 → 4 → 5. B. 2 → 3 → 4 → 1 → 5.
C. 3 → 2 → 4 → 1 → 5. D. 3 → 2 → 1 → 4 → 5.

Câu 12. Khi nói về ý nghĩa công nghệ cấy truyền phôi, nội dung nào sau đây **sai**?

- A. Nhanh chóng thay đổi chất lượng đàn giống. B. Vật nuôi quý hiếm cần được bảo tồn.
C. Nâng cao năng suất sinh sản. D. Cơ sở cho công nghệ cấy chuyển gene.

Phần II. (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Khi nói về một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, có một số nhận định sau:

- a) Ứng dụng công nghệ cao giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
b) Công nghệ cho ăn thông minh là ví dụ về thành tựu trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
c) Ứng dụng công nghệ cao chỉ làm giảm chi phí sản xuất mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
d) Ứng dụng công nghệ gene giúp rút ngắn thời gian chọn tạo giống, chọn lọc chính xác, nâng cao chất lượng giống.

Câu 2. Khi nói về các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam, có một số nhận định sau:

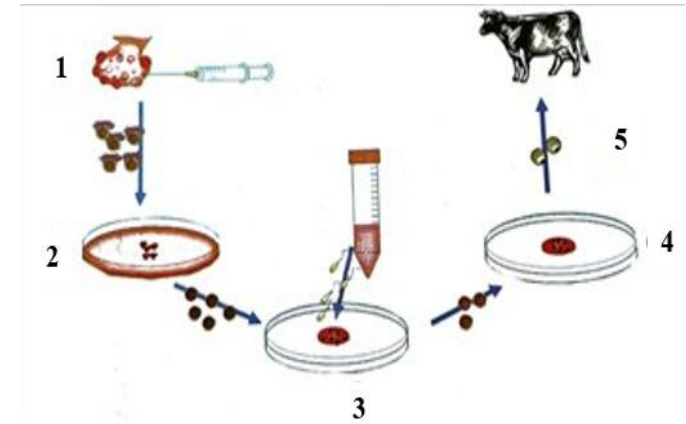
- a) Phương thức chăn nuôi truyền thống là chăn thả tự do.
b) Ở miền núi, người dân thường chăn thả trâu, bò theo phương thức chăn thả tự do.
c) Chăn nuôi công nghiệp cho năng suất cao, khả năng kiểm soát dịch bệnh không tốt.
d) Chăn nuôi công nghiệp là kết hợp giữa chăn thả tự do với chăn nuôi bán công nghiệp.

Câu 3. Một nhóm học sinh thảo luận về khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi, có một số nhận định sau:

- a) Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, khác nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- b) Giống vật nuôi có vai trò quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- c) Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi.
- d) Gà Ai Cập có số trứng khoảng 250-280 quả/mái/năm. Đây là ví dụ nói về vai trò của giống quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 4. Hình bên là ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi

- a) Đây là các bước trong công nghệ cấy truyền phôi ở bò.
- b) (1) Hút tế bào trứng từ buồng trứng;
(2) Nuôi để trứng phát triển và chín.
- c) Quy trình trên làm tăng hiệu quả cấy truyền phôi khi xác định được giới tính trước khi cấy.
- d) Ở Việt Nam đã áp dụng có hiệu quả phương pháp trên cho một số đối tượng vật nuôi.



PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Nếu muốn bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm thì chọn phương pháp nhân giống thuần chủng hay lai giống? Vì sao?

Câu 2. (1 điểm) Ông A nuôi Lợn và đã tiến hành phép lai sau: “Lai giữa lợn đực Yorkshire với lợn nái Móng Cái tạo ra con lai F_1 , sau đó cho con cái F_1 lai với con đực Landrace để tạo ra con lai F_2 (Yorkshire, Móng Cái, Landrace) là giống lợn hướng thịt”. Ông A đã áp dụng phương pháp lai nào? Nêu mục đích của phương pháp lai đó.

Câu 3. (1 điểm) Nhà bác Bình có một trang trại thích hợp với chăn nuôi vịt. Em hãy giúp bác Bình lựa chọn giống vịt để nuôi và vì sao?

-----Hết-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 2 trang)

Mã đề 1102 G

Họ tên :Lớp..... Số báo danh :

Phần I. (3 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phải vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp cho con người nguồn thực phẩm giàu protein.
- B. Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- D. Cung cấp lương thực và nhiên liệu cho xuất khẩu.

Câu 2. Sản phẩm chăn nuôi nào dưới đây có thể làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất đồ thủ công?

- A. Sữa.
- B. Da.
- C. Thịt
- D. Trứng.

Câu 3. Vật nuôi nào sau đây **không** phải là phân loại theo mục đích sử dụng?

- A. Vật nuôi lấy trứng.
- B. Vật nuôi lấy sữa.
- C. Vật nuôi làm xiếc.
- D. Vật nuôi trên cạn.

Câu 4. Có mấy phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam?

- A. 1.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 5. Đặc điểm nổi bật của chăn nuôi thông minh là

- A. sử dụng lao động thủ công, truyền thống.
- B. không quan tâm đến phúc lợi động vật.
- C. không cần dữ liệu trong quá trình chăn nuôi.
- D. áp dụng đồng bộ các công nghệ thông minh trong chăn nuôi.

Câu 6. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về các điều kiện để công nhận giống vật nuôi?

- A. Có ngoại hình, năng suất khác nhau.
- B. Có tính di truyền ổn định.
- C. Khác nguồn gốc và phân bố rộng.
- D. Số lượng vật nuôi ít.

Câu 7. Sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, thể tích và kích thước của từng cơ quan, bộ phận và toàn bộ cơ thể được gọi là

- A. ngoại hình.
- B. sinh trưởng.
- C. thể chất.
- D. khả năng sản xuất.

Câu 8. Gà trống biết gáy; gà mái bắt đầu đẻ trứng. Đây là ví dụ về chỉ tiêu nào trong chọn giống vật nuôi?

- A. Ngoại hình. B. Phát dục. C. Sinh trưởng. D. Khả năng sản xuất.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây là **sai** khi nói về một số phương pháp chọn giống vật nuôi?

- A. Có 2 phương pháp đó là chọn lọc cá thể và chọn lọc hàng loạt.
B. Chọn lọc cá thể không yêu cầu kỹ thuật phải cao.
C. Chọn lọc hàng loạt dễ tiến hành, không tốn kém.
D. Chọn lọc cá thể được tiến hành tại các trung tâm giống.

Câu 10. Đoạn DNA ngắn có thể liên kết chặt với gene quy định một tính trạng cụ thể của vật nuôi được gọi là

- A. thụ tinh trong ống nghiệm. B. công nghệ cấy truyền phôi.
C. xác định giới tính của phôi. D. chỉ thị phân tử.

Câu 11. Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi như sau:

1. Điện di sản phẩm PCR.
2. Lấy mẫu từ phôi.
3. Tách chiết DNA của mẫu phôi.
4. Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu.
5. Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

Trình tự đúng là

- A. 2 → 3 → 1 → 4 → 5. B. 2 → 3 → 4 → 1 → 5.
C. 3 → 2 → 4 → 1 → 5. D. 3 → 2 → 1 → 4 → 5.

Câu 12. Khi nói về ý nghĩa công nghệ cấy truyền phôi, nội dung nào sau đây **sai**?

- A. Nhanh chóng thay đổi chất lượng đàn giống. B. Vật nuôi quý hiếm cần được bảo tồn.
C. Nâng cao năng suất sinh sản. D. Cơ sở cho công nghệ cấy chuyển gene.

Phần II. (4 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Ở một trang trại gà, các con gà được nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn và theo một quy trình khép kín, có một số nhận định sau:

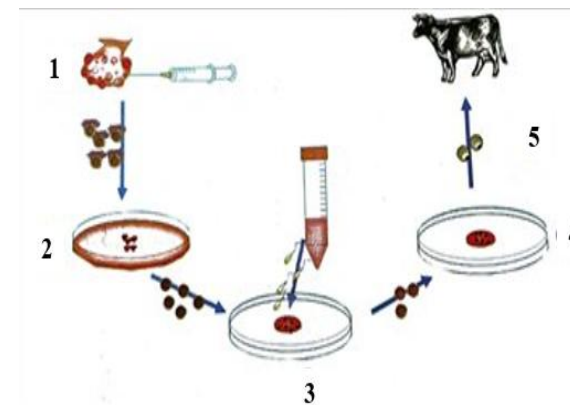
- a) Trang trại trên chăn nuôi gà theo phương thức chăn nuôi công nghiệp.
- b) Vị trí của trang trại theo phương thức này thường đặt gần khu dân cư, gần đường giao thông.
- c) Việc chăn nuôi trang trại trên đã tiềm ẩn những nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- d) Phương thức chăn nuôi trên đã được áp dụng ở hầu hết các vùng nông thôn ở Việt Nam.

Câu 2. Khi nói về một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, có một số nhận định sau:

- a) Ứng dụng công nghệ cao giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- b) Ứng dụng công nghệ gene cho phép cấy phôi từ bò mẹ cao sản sang những con bò cái khác.
- c) Ứng dụng công nghệ cao chỉ làm giảm chi phí sản xuất mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- d) Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi là nền tảng để phát triển chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.

Câu 3. Hình bên là ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi

- a) Đây là các bước thụ tinh trong ống nghiệm ở bò.
- b) (3) Thụ tinh nhân tạo; (4) Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu.
- c) Quy trình trên có khả năng tạo ra nhiều phôi.
- d) Ở Việt Nam đã áp dụng có hiệu quả phương pháp trên cho tất cả các đối tượng vật nuôi.



Câu 4. Một nhóm học sinh thảo luận về khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi, có một số nhận định sau:

- a) Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi.
- b) Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất giống nhau.
- c) Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- d) Gà Ai Cập có số trứng khoảng 250-280 quả/mái/năm. Đây là ví dụ nói về vai trò của giống quyết định đến năng suất chăn nuôi.

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Nếu muốn khai thác ưu thế lai ở đời con thì chọn phương pháp nhân giống thuần chủng hay lai giống? Vì sao?

Câu 2. (1 điểm) Ông B nuôi Gà và đã tiến hành phép lai sau: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F_1 , sau đó con mái F_1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F_2 (Mía x Hồ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. Ông B đã áp dụng phương pháp lai nào? Nêu mục đích của phương pháp lai đó.

Câu 3. (1 điểm) Nhà bác Bình có một trang trại thích hợp với chăn nuôi vịt. Em hãy giúp bác Bình lựa chọn giống vịt để nuôi và vì sao?

-----Hết-----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọnThí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm) **(3 điểm)**

Mã đề Câu	1101	1102
1	D	D
2	D	B
3	C	D
4	B	B
5	D	D
6	A	B
7	C	B
8	D	B
9	B	B
10	B	D
11	C	B
12	D	D

PHẦN II. (Câu trắc nghiệm đúng sai. HS trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai. **(4 điểm)** Mỗi ý đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án Đề 1101	a) Đúng	a) Đúng	a) Sai	a) Sai
	b) Đúng	b) Đúng	b) Đúng	b) Đúng
	c) Sai	c) Sai	c) Đúng	c) Sai
	d) Đúng	d Sai	d) Sai	d) Đúng

Câu	1	2	3	4
Đề 1102,	a) Đúng	a) Đúng	a) Đúng	a) Đúng
	b) Sai	b) Sai	b) Sai	b) Sai
	c) Đúng	c) Sai	c) Đúng	c) Đúng
	d) Sai	d) Đúng	d) Sai	d) Đúng

PHẦN II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Đề 1101

Câu 1. (1 điểm) Nếu muốn bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm thì chọn phương pháp nhân giống thuần chủng hay lai giống? Vì sao?

- **Phương pháp nhân giống thuần chủng (0,5 điểm)**

- Vì cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống thuần chủng **(0,25 điểm)**
nên giữ nguyên được nguồn gene và đặc điểm quý của giống ban đầu **(0,25 điểm)**

Câu 2. (1 điểm)

- Lai kinh tế phức tạp **(0,5 điểm)**

- Mục đích: con lai đều dùng để nuôi thương phẩm **(0,25 điểm)**,
không sử dụng làm giống **(0,25 điểm)**

Câu 3.(1 điểm): Nhà bác Sáu có một trang trại thích hợp với chăn nuôi vịt. Em hãy giúp bác Sáu lựa chọn giống vịt để nuôi và vì sao?

- **Nên chọn giống vịt ta hoặc vịt cỏ (vịt địa phương) (0,5 điểm)**

- **Lý do: (0,5 điểm)**

- + Dễ nuôi, có khả năng tự kiếm ăn tốt
- + Vịt có cho năng suất trứng khá cao, thịt thơm ngon.
- + Ít bệnh, chịu được điều kiện môi trường thay đổi.

HS có thể chọn các giống vịt khác và giải thích hợp lý là đạt

Đề 1102

Câu 1. (1 điểm) Nếu muốn khai thác ưu thế lai ở đời con thì chọn phương pháp nhân giống thuần chủng hay lai giống? Vì sao?

- **Phương pháp lai giống (0,5 điểm)**

- Vì cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau **nên con lai mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau (0,25 điểm) → con lai có nhiều đặc điểm vượt trội hơn bố mẹ. (0,25 điểm)**

Câu 2. (1 điểm)

- Lai kinh tế phức tạp **(0,5 điểm)**
- Mục đích: con lai đều dùng để nuôi thương phẩm **(0,25 điểm)**,
không sử dụng làm giống **(0,25 điểm)**

Câu 3.(1 điểm): Nhà bác Sáu có một trang trại thích hợp với chăn nuôi vịt. Em hãy giúp bác Sáu lựa chọn giống vịt để nuôi và vì sao?

- **Nên chọn giống vịt ta hoặc vịt cỏ (vịt địa phương) (0,5 điểm)**
- **Lý do: (0,5 điểm)**
 - + Dễ nuôi, có khả năng tự kiếm ăn tốt
 - + Vịt có cho năng suất trứng khá cao, thịt thơm ngon.
 - + Ít bệnh, chịu được điều kiện môi trường thay đổi

HS có thể chọn các giống vịt khác và giải thích hợp lý là đạt

-----Hết -----